TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Huỳnh Xuân Thủy

2. Trương Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 430/2019/TLST- HNGĐ ngày 17/12/2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HN ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1988; địa chỉ: số 78, tổ 8, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Phước H, sinh 1994, địa chỉ: tổ 39, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Bà L có mặt, ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phước H tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2015 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 15/3/2017. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông H không lo làm, thường xuyên uống rượu nên vợ chồng chung sống không hạnh

phúc. Bà L và ông H đã sống cách xa nhau từ đầu năm 2019 đến nay nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung, trong thời gian chung sống bà L và ông H sinh được 01 con chung tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 06/02/2017. Từ khi ly thân đến nay thì bà L nuôi con, đảm bảo cho con cuộc sống ổn định, phát triển đầy đủ về thể chất. Bà L yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Phước H trình bày: Thống nhất với bà L về điều kiện và thời gian dẫn đến hôn nhân. Ông và bà L có đăng ký kết hôn như bà L trình bày.

Về hôn nhân ông và bà L chung sống hạnh phúc vào thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Thống nhất với trình bày của bà L là vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Phước T, sinh ngày 06/02/2017. Ông H không đồng ý ly hôn nên không đề cập đến việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ được biết ông Nguyễn Phước H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Ông H thường xuyên đi và về tại địa chỉ này. Bà Nguyễn Thị Ngọc L không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc và không sống cùng địa chỉ với ông H, không rõ tình trạng hôn nhân của ông H như thế nào.

Người làm chứng bà Phạm Thị Lanh, là mẹ ruột của Nguyễn Phước H cho biết, bà và ông H sống cùng địa chỉ tại khóm Vĩnh Tây 1, phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc. Nguyễn Thị Ngọc L là vợ của H, vợ chồng không sống chung với nhau khoảng 01 năm nay do H không quan tâm chăm sóc vợ con, chỉ lo uống rượu với bạn bè nên L không chấp nhận và yêu cầu ly hôn. L và H có 01 con chung Nguyễn Phước T, sinh năm 2017, cháu Thịnh hiện nay đang sống với bà L. Theo bà biết thì H vẫn còn thương vợ nên không muốn ly hôn, bà cũng muốn L và H đoàn tụ để H có trách nhiệm chăm sóc cho vợ con.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L, ông H tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Tuy nhiên, bà L và ông H đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay, do ông H không quan tâm chăm sóc vợ con mà thường xuyên uống rượu. Tòa án đã tiến hành hòa giải, và tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn, từ đó cho thấy hôn nhân giữa bà L và ông H thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Nguyễn Phước H 01 con chung Nguyễn Phước T, sinh ngày 06/02/2017, từ trước đến nay, đều do bà L chăm sóc, nuôi dạy. Để tại điều kiện thuận lợi cho bé phát triển nên việc để cháu Thịnh cho bà L nuôi dạy là phù hợp.

Về tài sản chung, nợ chung:

Bà L, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L, giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dạy, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng

[1] Về thẩm quyền

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung

[3] Về quan hệ hôn nhân

Bà L và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36, ngày 15/3/2017 nên được pháp luật thừa nhận, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng ông H không quan tâm, chăm sóc giúp đỡ bà L. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà L và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung

Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Nguyễn Phước H xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 06/02/2017, từ khi cháu Thịnh được sinh ra đến hiện nay đều do bà L chăm sóc, nuôi dạy. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và ổn định cuộc sống của co, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xét giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dạy và chăm sóc là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Bà Nguyễn Thị Ngọc L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, Bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Ông Nguyễn Phước H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn ông Nguyễn Phước H.

[2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 06/02/2017 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Phước H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0003504 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà L đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Phước H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 36, ngày 15/3/2017 của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Bà Nguyễn Thị Thùy L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Phước H là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà